

ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA, CHUẨN ĐÁNH GIÁ CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

TS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định mục tiêu giáo dục phổ thông là *Hoàn thành việc xây dựng chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho HS có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020*¹.

Việc cụ thể hóa mục tiêu giáo dục để đưa vào CT là một trong các vấn đề trọng tâm của quá trình xây dựng CT GDPT. Bài viết này đề xuất những định hướng cơ bản cho việc xác định mục tiêu CT và xây dựng chuẩn đầu ra, chuẩn đánh giá của CT GDPT mới. Đây là kết quả nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số V11.2-2011.06.

1. Định hướng xác định mục tiêu CT GDPT

Mục tiêu CT GDPT là mong muốn đối với người học sau khi hoàn thành CT. Người học sẽ dần đạt được mục tiêu CT qua quá trình thực hiện từng hoặc tất cả các phân đoạn của CT trong một cơ sở giáo dục nhất định.

Ví dụ, mục tiêu CT môn Khoa học cấp Tiểu học của Malaysia¹ là: Am hiểu khái niệm, nguyên tắc khoa học, có khả năng liên kết chúng với các hiện tượng tự nhiên và kinh nghiệm sống hàng ngày; Áp dụng kiến thức, kĩ năng khoa học một cách sáng tạo, thông minh; Phát triển các đức tính tò mò, trung thực, kiên trì, trí tuệ,... trong khoa học; và Phát triển kĩ năng khoa học qua điều tra, khám phá, tập dượt nghiên cứu.

Qua đây có thể thấy, mục tiêu CT GDPT nhằm đáp ứng mục tiêu đối với người học, mà không nhằm đáp ứng mục tiêu đối với hệ thống GDPT. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa mục tiêu CT và mục tiêu GDPT. Ngoài ra, mọi mục tiêu của CT đều đòi hỏi người học cần phải đạt được khi hoàn thành CT, trong khi có những mục tiêu GD người học chỉ đạt được sau khi đã tốt nghiệp trường phổ thông một vài năm.

Trong CT GDPT hiện hành không xác định mục tiêu CT mà dựa vào mục tiêu GDPT quy định tại Điều

27 Luật Giáo dục. Vì mục tiêu GDPT là những yêu cầu khái quát, lí tưởng về nhân cách công dân tương lai, nên việc xác định nội dung giáo dục và chuẩn kiến thức, kĩ năng của CT môn học chưa thực sự gắn kết với mục tiêu này. Đây là nguyên nhân mấu chốt dẫn đến khó khớp nối được giữa mục tiêu giáo dục với mục tiêu giảng dạy và mục tiêu đánh giá, thi cử. Vì vậy, cần xác định mục tiêu của CT GDPT mới trên cơ sở mục tiêu GDPT đã nêu tại Nghị quyết 29-NQ/TW.

Mục tiêu CT GDPT mới cần hướng tới: Cụ thể hóa các mục tiêu đối với người học, đó là: *phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời; và đảm bảo người học có thể đạt khi hoàn thành/tốt nghiệp CT GDPT này.*

2. Định hướng xây dựng chuẩn đầu ra và chuẩn đánh giá của CT

2.1. Xây dựng chuẩn đầu ra và chuẩn đánh giá của CT

Khái niệm "Giáo dục dựa theo kết quả đầu ra" (Outcome-based Education) xuất hiện từ những năm 1980. Cho đến nay, có ba cách hiểu và vận dụng khác nhau²:

(1) *Tập trung vào cá nhân người học*: tổ chức mọi hoạt động giáo dục cần thiết để đảm bảo mỗi người học đều có thể thành công khi kết thúc khóa học. Bắt đầu với một phác họa rõ ràng về những kết quả quan trọng HS có thể làm, sau đó tổ chức CT giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá để đảm bảo các kết quả này cuối cùng sẽ xảy ra;

(2) *Tập trung vào trách nhiệm giải trình*: giáo dục phải cung cấp bằng chứng về năng lực cốt lõi của người học khi tốt nghiệp để người quản lí có thể giải trình với các đối tượng liên quan về chất lượng giáo dục. Trách nhiệm này đòi hỏi phải đưa ra các minh chứng cho đầu vào (input), thực hiện (performance) và đầu ra ngắn hạn (output), đầu ra cuối cùng (outcome). Đầu ra của CT gồm kiến thức (knowledge outcome), kĩ năng (skills outcome), thái độ/giá trị (attitude/value outcome), và quan hệ với xã hội;

² Biggs, J. B & Tang, C. (2007) *Teaching for quality learning*. Buckingham: Society for Research into Higher Education and Open University Press

¹ Theo Ministry of Education Malaysia, 1997



(3) *Tập trung vào giảng dạy và học tập*: kết quả học tập được sử dụng nhằm mục đích tăng cường giảng dạy, học tập. Kết quả được hiểu là những gì mà người học đã thực sự đạt được sau quá trình học tập chứ không chỉ là những gì giáo viên dạy.

Đầu ra của CT GDPT được hiểu theo cách thứ nhất và thứ hai: *kết quả đầu ra là những giá trị, năng lực (cơ bản, nền tảng) mỗi HS cần đạt khi hoàn thành CT.*

Theo Hội đồng chất lượng các trường đại học Ontario (Ontario Universities Quality Council)³, tiếp cận giáo dục theo đầu ra phải đề cập ba thành phần chủ yếu: tuyên bố rõ ràng về kết quả học tập mong muốn, phản ánh mục tiêu giáo dục; có chiến lược giúp việc học tập đạt được và chứng minh được kết quả đầu ra đó; tiêu chí đánh giá kết quả học tập được liên kết với kết quả đầu ra mong muốn.

Dựa vào lập luận trên có thể hiểu như sau: *Xây dựng chuẩn đầu ra của CT có nghĩa là xác định các kết quả học tập mong muốn, là cụ thể hóa mục tiêu CTGDPT và khâu này cần được triển khai đầu tiên trong tiến trình xây dựng CT; Xây dựng chuẩn đánh giá của CT có nghĩa là xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả học tập, các tiêu chí này phải được liên kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra của CT.*

2.2. Định hướng xây dựng chuẩn đầu ra của CT GDPT mới

Trong CT GDPT của các quốc gia trên thế giới, có nhiều thuật ngữ tiếng Anh mô tả chuẩn đầu ra theo cách hiểu nêu trên như National standard, Outcome standard, Common Core State Standards, Achievement standard, Content standards and Benchmarks,... Chẳng hạn, thuật ngữ "National standard" ở Hoa Kỳ được National Governors Association Center (NGA center) và Council of Chief State School Officers (CCSSO) đưa ra⁴: *là những kiến thức và kĩ năng HS cần đạt để được công nhận tốt nghiệp THPT và chuẩn bị sẵn tâm thế cho sự thành công khi tham gia công việc trong cuộc sống hoặc tiếp tục học lên sau phổ thông.* Chuẩn đầu ra môn học được xây dựng theo 2 mức là cấp học và lớp học, ứng với mỗi mạch nội dung. Điểm đặc biệt ở chuẩn quốc gia chung cốt lõi (2010) là, bất cứ lĩnh vực học tập nào cũng có chuẩn ngôn ngữ (đọc, viết, nghe, nói) của lĩnh vực đó. Ví dụ, riêng về kĩ năng đọc hiểu có 4 mạch là: Ý tưởng và chi tiết chính, Từ và cấu trúc, Tích hợp kiến thức và ý tưởng, Phạm vi đọc hiểu và văn bản. Chuẩn đầu ra của kĩ năng đọc hiểu ở lĩnh vực Văn học (Reading Standards for Literature), với mạch Ý tưởng và chi tiết chính của cấp tiểu học và lớp 1 được trình bày ở bảng 1.

³ Ontario Universities Quality Council. OutcomeBased Education webinar (2010), *Provides a brief overview of outcome-based education*

⁴ National Governors Association Center và Council of Chief State School Officers, *Common Core State Standards Initiative*

Bảng 1: Chuẩn đọc hiểu ở lĩnh vực Văn học cấp tiểu học ở Hoa Kỳ

<i>Chuẩn đầu ra cấp tiểu học</i>	<i>Chuẩn đầu ra lớp 1</i>
1. Đọc văn bản để xác định văn bản nói gì và đưa ra những kết luận hợp lí từ đó; trích dẫn cụ thể từ văn bản khi viết hoặc nêu những kết luận rút ra từ văn bản.	1. Hỏi và trả lời các câu hỏi về chi tiết quan trọng trong một văn bản.
2. Xác định ý tưởng trọng tâm và phân tích sự phát triển của văn bản; tóm tắt những chi tiết quan trọng hỗ trợ cho ý tưởng.	2. Kể lại câu chuyện, trong đó có chi tiết quan trọng, và chứng minh sự hiểu biết về ý tứ trọng tâm của nó.
3. Phân tích sự phát triển nhân vật, sự kiện và lí do; sự tương tác của nhân vật, sự kiện trong quá trình phát triển một văn bản.	3. Mô tả đặc điểm, tính cách nhân vật và các sự kiện lớn trong một câu chuyện, sử dụng các chi tiết quan trọng

Với tầm nhìn đến năm 2030 của Namibia, chuẩn CT (Standards of the curriculum) được xác định là: *các mức năng lực được kì vọng HS cần đạt ở cuối mỗi giai đoạn giáo dục, ở đó năng lực là tổng hòa kiến thức, kĩ năng thực hành, tình cảm mà người học có được qua quá trình tham gia học tập tích cực.* Ví dụ, chuẩn đầu ra năng lực chung của giai đoạn giáo dục cơ bản (lớp 10) được nêu ở bảng 2.

Bảng 2: Chuẩn đầu ra một số năng lực chung của giáo dục bắt buộc ở Namibia

1. <i>Năng lực cá nhân</i> : Lựa chọn thông tin, ra quyết định và nhận xét; đánh giá niềm tin và ý kiến, chủ động, hành động một cách sáng tạo, biết cách đổi mới,...
2. <i>Năng lực học cách học</i> : Thiết lập mục tiêu, giải quyết vấn đề, đánh giá và phản ánh về quá trình đã hoàn thành, làm việc hiệu quả, có ý thức trách nhiệm về học tập, công việc của mình

Từ các ví dụ trên, chúng tôi quan niệm:

- Chuẩn đầu ra của CT GDPT mới là những kết quả kì vọng HS cần biết, hiểu và có thể làm được tại cuối cấp học, lớp học/nhóm lớp.

- Chuẩn đầu ra cấp học là mức cơ bản về các phẩm chất, năng lực chung, kì vọng rằng HS có thể đạt được tại cuối cấp tiểu học, THCS và THPT.

- Chuẩn đầu ra lĩnh vực/môn học là mức cơ bản về các phẩm chất, năng lực chung, chuyên biệt của lĩnh vực/môn học, kì vọng rằng HS có thể đạt tại cuối mỗi lớp học hoặc nhóm lớp.

Xin lưu ý rằng:

- Thuật ngữ "mức cơ bản" của năng lực ở chuẩn đầu ra nói trên mang nghĩa, đa số HS có thể đạt tới mức này vào cuối cấp học, lớp học/nhóm lớp sau khi các em

⁵ National Institute for Educational Development (NIED) Ministry of Education (2009), *THE NATIONAL CURRICULUM FOR BASIC EDUCATION*, Printed by NIED. First publication date 2009

nỗ lực tham gia một cách tích cực vào tiến trình giáo dục của nhà trường. Hiện tại, nhiều quốc gia khác đang nhấn mạnh các chuẩn cao (high standards), coi như là một yếu tố quan trọng để nâng cao kết quả giáo dục cho mọi HS.

- Chuẩn đầu ra không bao hàm yêu cầu nâng cao cho những HS có khả năng đáp ứng yêu cầu cơ bản nhanh hơn. Đối với những HS này, cần chuẩn bị sẵn những nhiệm vụ nâng cao trong các chuyên đề tự chọn.

- Chuẩn đầu ra cũng không xác định yêu cầu thấp hơn với những HS không thể đáp ứng yêu cầu cơ bản cho dù đã cố gắng rất nhiều. Nhà trường cần chuẩn bị sẵn phương pháp, chiến lược can thiệp hoặc tài liệu cần thiết để hỗ trợ họ.

2.3. Định hướng xây dựng chuẩn đánh giá cấp học, môn học

Mặc dù chuẩn đầu ra cung cấp hướng dẫn cho việc giảng dạy và chất lượng giảng dạy nhưng chúng không giải quyết được câu hỏi "HS thực hiện thế nào?"

Mục đích chính của hệ thống đánh giá HS (Student Assessment System) là cung cấp thông tin về kết quả học tập để ra các quyết định giáo dục nhằm cải thiện

việc học tập cho tất cả HS. Hệ thống đánh giá chỉ có thể thực hiện điều này bằng cách thiết lập các chỉ số đo lường thành tích dựa theo chuẩn đầu ra và sử dụng nó để hướng dẫn việc thực hiện hoạt động đánh giá trong nhà trường phổ thông.

Chuẩn thực hiện (Performance standard) là: *xác định rõ ràng những gì HS phải làm để chứng minh sự thành thạo tại một mức cụ thể của chuẩn đầu ra.* Do đó, chuẩn thực hiện luôn được xây dựng từ sự liên kết với chuẩn đầu ra của CT.

Ví dụ, trong khung CT bang Michigan⁽⁶⁾, Hoa Kỳ, chuẩn thực hiện được xây dựng theo ba mức độ thành thạo để giúp xác định được sự tiến bộ của HS so với chuẩn đầu ra môn học. Bảng 3 trình bày sự mô tả ba mức độ thành thạo này (xem bảng 3).

Từ đó, xây dựng chuẩn thực hiện tại mỗi cấp học, môn học. Bảng 4 trình bày chuẩn thực hiện ở cấp THPT của môn Khoa học cuộc sống (xem bảng 4).

Nhìn chung, có một số thuật ngữ tiếng Anh phù hợp cho nội hàm trên như Performance standard, Assessment standrad, Proficient standard,...

Chuẩn đánh giá của CT trong báo cáo này được hiểu theo nghĩa của chuẩn thực hiện: *là sự cụ thể hóa và*

Bảng 3: Ba mức độ thực hiện qua sự thành thạo so với yêu cầu đầu ra ở CT của Michigan

Mức độ thực hiện	Mô tả
Thành thạo một phần (Partially proficient)	Mức độ này biểu thị sự làm chủ một phần những kiến thức và kĩ năng cơ bản mà chúng cần thiết để đạt tới mức độ đã được yêu cầu đầu ra mỗi cấp học.
Thành thạo (Proficient)	Mức độ này đại diện cho việc đạt tới yêu cầu mỗi cấp học. Học sin đã chứng minh năng lực của mình: am hiểu kiến thức, vận dụng được kiến thức đó cho tình huống thực, và các kĩ năng phân tích tương thích với các vấn đề nêu trong chuẩn đầu ra.
Nâng cao (Advanced)	Mức độ này biểu thị cho việc HS vượt cao hơn so với các yêu cầu của chuẩn đầu ra

Bảng 4: Chuẩn thực hiện cấp THPT môn Khoa học cuộc sống⁽⁶⁾

Thành thạo một phần	Thành thạo	Nâng cao
<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vai trò các chất dinh dưỡng trong cơ thể nhưng không tạo được sự kết nối tương tác giữa chúng với nhau; - Chưa tìm hiểu và tạo cơ hội đủ nhiều để tiến hành điều tra và kiểm tra các chất dinh dưỡng được các tế bào sử dụng như thế nào - Gặp khó khăn trong việc áp dụng hoặc truyền đạt ý tưởng, giải thích vai trò của các chất dinh dưỡng cho chức năng tăng trưởng tế bào và quá trình xử lí chất dinh dưỡng toàn bộ cơ thể 	<ul style="list-style-type: none"> -Giải thích, trình bày cách mà các hệ thống trong cơ thể làm việc với nhau để sử dụng các chất dinh dưỡng cho hoạt động tế bào - Tiến hành điều tra để xác minh cách các chất dinh dưỡng được sử dụng bởi các tế bào (thử nghiệm, thu thập và xử lí dữ liệu) - Trình bày kết quả thử nghiệm thành công, truyền đạt được tầm quan trọng của các chất dinh dưỡng và chức năng của chúng trong cơ thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích, trình bày cách mà các hệ thống trong cơ thể làm việc với nhau để sử dụng các chất dinh dưỡng trong các tế bào năng lượng, tăng trưởng, sửa chữa và bảo trì; - Tiến hành nghiên cứu điều tra trong một nhóm để xác minh cách mà các chất dinh dưỡng được sử dụng, bao gồm cả việc sử dụng các thí nghiệm trước đây để đưa ra lời giải thích về các khía cạnh sử dụng các chất dinh dưỡng các tế bào hiệu quả - Trình bày được tầm quan trọng của các chất dinh dưỡng và chức năng của nó trong việc tái tạo và tăng trưởng tế bào

⁽⁶⁾ Michigan Department of Education Lansing, 1996, *Michigan Curriculum Framework*, publication of the Michigan Department of Education



mở rộng chuẩn đầu ra của CT, được sử dụng để thực hiện hoạt động đánh giá HS trong nhà trường.

Việc xây dựng chuẩn đánh giá của CT có thể theo định hướng cơ bản sau:

(i) Đảm bảo mô tả chi tiết (có thể đưa ra các ví dụ) về những gì HS phải biết và có thể làm để chứng minh cho việc họ đạt đến yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và thái độ được quy định bởi chuẩn đầu ra của CT.

(ii) Đảm bảo xác định rõ ràng các thành tích cho mỗi vấn đề ở chuẩn đầu ra và phân chia chúng thành các mức độ thực hiện từ thấp nhất đến cao nhất sao cho hữu ích đối với việc xác định sự tiến bộ của HS, sự cải thiện chất lượng của trường học và cả hệ thống giáo dục.

(iii) Đảm bảo giúp giáo viên, HS, phụ huynh, nhà hoạch định chính sách, và các đối tượng khác liên quan hiểu được bản chất của mục tiêu CT và mức độ chặt chẽ của chuẩn đầu ra của CT.

(iv) Đảm bảo độ tin cậy, giá trị của chuẩn qua tiến trình thử nghiệm và điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn trình độ nhận thức của HS và khả năng triển khai các hoạt động đánh giá ở nhà trường.

Như vậy, chuẩn đánh giá của CT bao gồm các mức độ thấp hơn và cao hơn so với chuẩn đầu ra. Đồng thời luôn kèm theo các mẫu công việc của HS để minh họa cho từng mức độ của chuẩn, để hướng dẫn việc hiểu đúng bản chất và triển khai hoạt động đánh giá HS. Vì chuẩn đầu ra của CT được xây dựng cho cấp học, môn học, nên chuẩn đánh giá cũng thường được xây dựng tương ứng ở cấp học, môn học.

Tóm lại, trong tiến trình phát triển CTGDPT mới, công việc đầu tiên và rất quan trọng là cụ thể hóa mục tiêu GDPT đã nêu tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Điều này có thể thực hiện lần lượt qua hai bước là: 1/ Xác định mục tiêu CT từ việc cụ thể hóa các yêu cầu đối với người học ở mục tiêu GDPT; 2/ Xây dựng chuẩn đầu ra GDPT, cấp học, môn học từ việc cụ thể hóa mục tiêu CT.

Quá trình học tập ở nhà trường phổ thông cần được hướng dẫn và đánh giá thường xuyên để đảm bảo các kết quả đầu ra cuối cùng sẽ đạt được. Vì vậy, tiếp tục xây dựng chuẩn đánh giá, là sự cụ thể hóa và mở rộng chuẩn đầu ra của CT (bao gồm các mức thấp hơn và cao hơn chuẩn đầu ra). Ở đây bao hàm cả việc biên soạn các công cụ đánh giá mẫu để minh họa cho từng mức độ của chuẩn đánh giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp*

hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. *Đổi mới CT, sách giáo khoa sau năm 2015 (2013), Dự thảo đề án Đổi mới CT, sách giáo khoa sau năm 2015.*

3. *Đình Quang Báo (2013). Mục tiêu và chuẩn trong CT GDPT sau năm 2015. Kỷ yếu hội thảo quốc gia Mục tiêu và chuẩn GDPT, ngày 15 tháng 8 năm 2013.*

4. *Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Giáo dục.*

Tiếng Anh:

1. Biggs, J. B & Tang, C. (2007) *Teaching for quality learning*. Buckingham: Society for Research into Higher Education and Open University Press

2. Michigan Department of Education Lansing, 1996, *Michigan Curriculum Framework*, publication of the Michigan Department of Education

3. Michigan Department of Education Lansing, 1996, *Michigan Curriculum Framework*, publication of the Michigan Department of Education

4. Ministry of Education Malaysia, 1997

5. National Governors Association Center và Council of Chief State School Officers, (2010) *Common Core State Standards Initiative*

5. National Institute for Educational Development (NIED) Ministry of Education (2009), *The National curriculum For Basic Education*. Printed by NIED. First publication date 2009

6. Ontario Universities Quality Council. OutcomeBased Education webinar (2010), *Provides a brief overview of outcome-based education*

7. States the National Center for Research on Evaluation, Standards, and Student Testing (1999)

8. South African Qualifications Authority (2005), *Developing Learning Programmes for NQF-registered Qualifications and Unit Standards*, Published by SAQA under the SESD Programme

SUMMARY

The article touches upon the rationales for identifying objectives of curriculum of general education to ensure that students can achieve them upon completion of the curriculum. These objectives serve as the basis for developing outcome standards for learning levels and subject matters to ensure that each such objective has its respective outcome standards. The learning process in the school requires regular facilitation and assessment to ensure that the ultimate outcome standards will be realized. Therefore, it is necessary to continue developing assessment standards in a way which specifies and expands outcome standards (including lower and higher levels of outcome standards) and preparing sample assessment tools for illustration for each level of the standard.